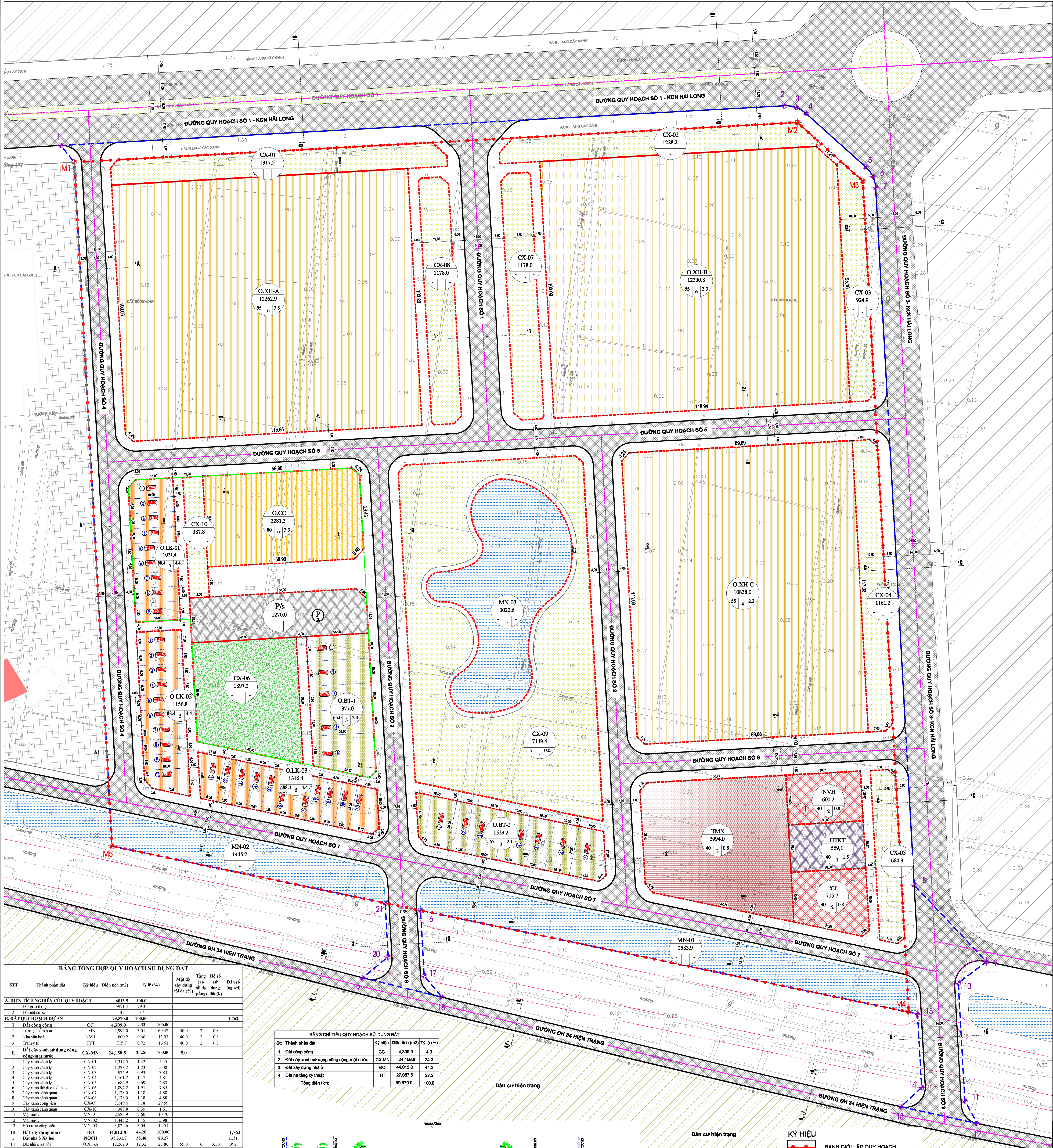
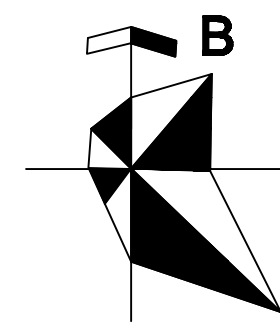


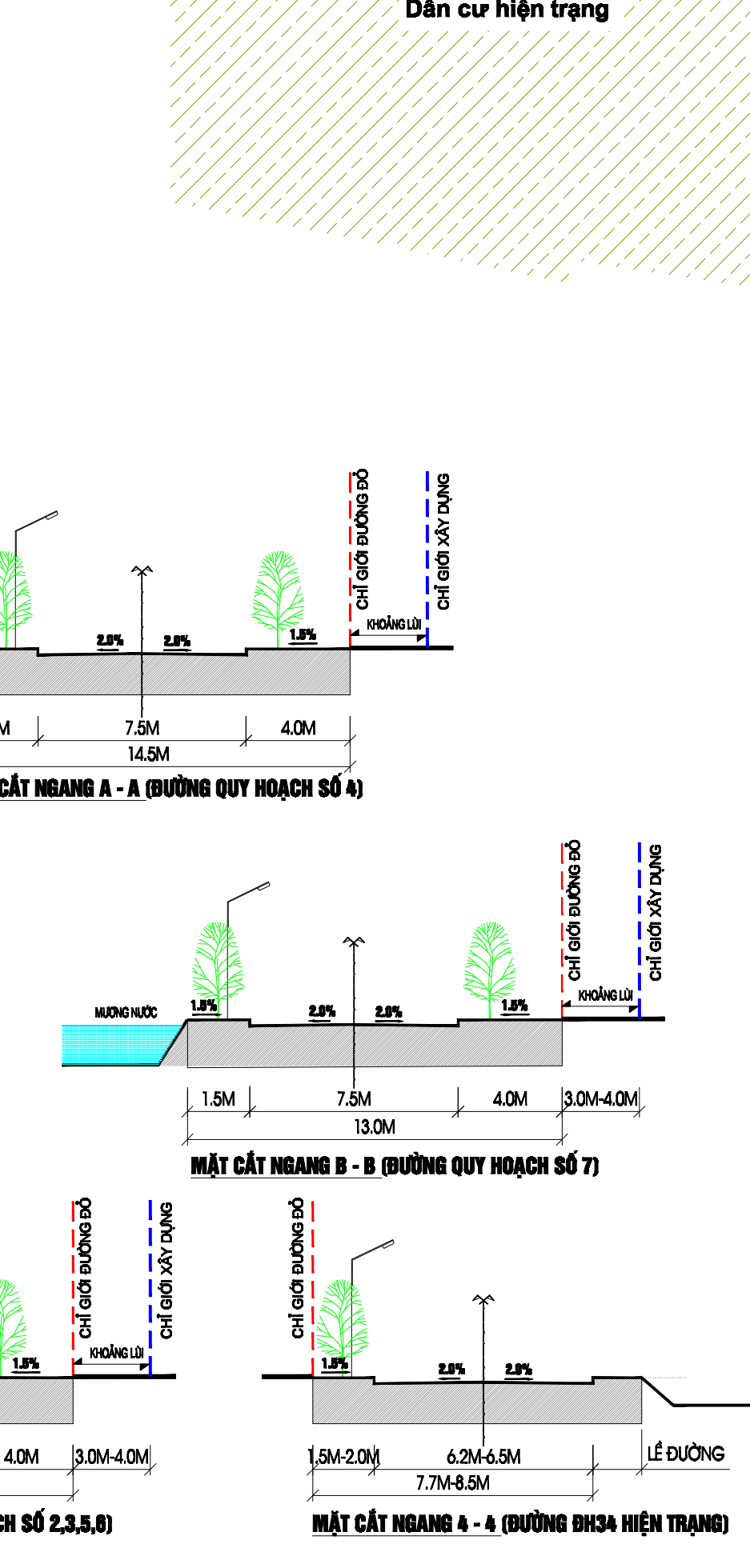
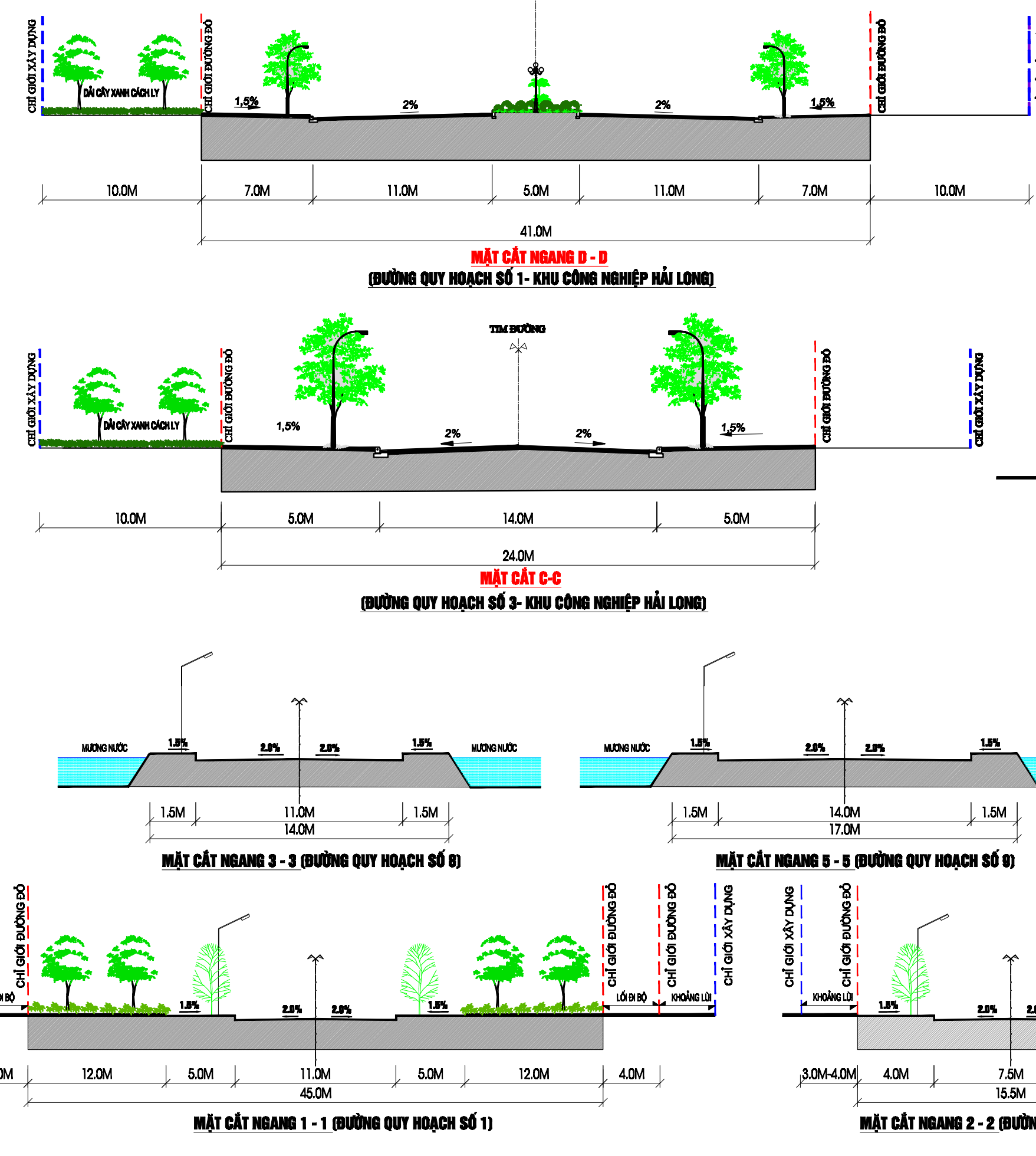
QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU NHÀ Ở XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG NHÂN, NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI KHU CÔNG NGHIỆP HẢI LONG, HUYỆN TIỀN HẢI  
 BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐỒNG TRÀ, HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH



| STT                                        | Thành phần đất   | Ký hiệu | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) | Mật độ xây dựng (đến 100%) | Tầng (tối đa) | Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ) | Đơn vị (người) |
|--------------------------------------------|------------------|---------|-----------------------------|-----------|----------------------------|---------------|---------------------------------|----------------|
| <b>BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT</b> |                  |         |                             |           |                            |               |                                 |                |
| <b>A. DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH</b>   |                  |         |                             |           |                            |               |                                 |                |
| 1                                          | Đất công cộng    | CC      | 6603,5                      | 100,0     |                            |               |                                 |                |
| 2                                          | Đất nhà ở xã hội | NOXH    | 5971,4                      | 90,4      |                            |               |                                 |                |
| 3                                          | Đất cây xanh     | CX      | 421,1                       | 6,4       |                            |               |                                 |                |
| <b>B. ĐẤT QUY HOẠCH DỰ ÁN</b>              |                  |         |                             |           |                            |               |                                 |                |
| 1                                          | Đất công cộng    | CC      | 4.309,9                     | 4,3       |                            |               |                                 | 1.762          |
| 2                                          | Đất nhà ở xã hội | NOXH    | 2.994,0                     | 2,9       |                            |               |                                 |                |
| 3                                          | Đất cây xanh     | CX      | 600,2                       | 0,6       |                            |               |                                 |                |
| 4                                          | Đất cây xanh     | CX      | 715,7                       | 0,7       |                            |               |                                 |                |
| <b>C. ĐẤT QUY HOẠCH DỰ ÁN</b>              |                  |         |                             |           |                            |               |                                 |                |
| 1                                          | Đất công cộng    | CC      | 24.158,8                    | 24,2      |                            |               |                                 |                |
| 2                                          | Đất nhà ở xã hội | NOXH    | 1.317,5                     | 1,3       |                            |               |                                 |                |
| 3                                          | Đất cây xanh     | CX      | 1.228,2                     | 1,2       |                            |               |                                 |                |
| 4                                          | Đất cây xanh     | CX      | 924,9                       | 0,9       |                            |               |                                 |                |
| 5                                          | Đất cây xanh     | CX      | 1.161,2                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 6                                          | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 7                                          | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 8                                          | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 9                                          | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 10                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 11                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 12                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 13                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 14                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 15                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.178,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| <b>D. ĐẤT QUY HOẠCH DỰ ÁN</b>              |                  |         |                             |           |                            |               |                                 |                |
| 1                                          | Đất công cộng    | CC      | 44.013,8                    | 44,0      |                            |               |                                 | 1.762          |
| 2                                          | Đất nhà ở xã hội | NOXH    | 35.317,7                    | 35,3      |                            |               |                                 | 1.131          |
| 3                                          | Đất cây xanh     | CX      | 12.262,9                    | 12,3      |                            |               |                                 | 392            |
| 4                                          | Đất cây xanh     | CX      | 12.262,9                    | 12,3      |                            |               |                                 | 392            |
| 5                                          | Đất cây xanh     | CX      | 10.858,0                    | 10,9      |                            |               |                                 | 347            |
| 6                                          | Đất cây xanh     | CX      | 8.682,1                     | 8,7       |                            |               |                                 | 32             |
| 7                                          | Đất cây xanh     | CX      | 1.401,4                     | 1,4       |                            |               |                                 |                |
| 8                                          | Đất cây xanh     | CX      | 1.130,4                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 9                                          | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 10                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 11                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 12                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 13                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 14                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 15                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 16                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 17                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 18                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 19                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 20                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 21                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 22                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 23                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 24                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 25                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 26                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 27                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 28                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 29                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 30                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 31                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 32                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 33                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 34                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 35                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 36                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 37                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 38                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 39                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 40                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 41                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 42                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 43                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 44                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 45                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 46                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 47                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 48                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 49                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 50                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 51                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 52                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 53                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 54                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 55                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 56                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 57                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 58                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 59                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 60                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 61                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 62                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 63                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 64                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 65                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 66                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 67                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 68                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 69                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 70                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 71                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 72                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 73                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 74                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 75                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 76                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 77                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 78                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 79                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 80                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 81                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 82                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 83                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 84                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 85                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 86                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 87                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 88                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 89                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 90                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 91                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 92                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 93                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 94                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 95                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 96                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 97                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 98                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 99                                         | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |
| 100                                        | Đất cây xanh     | CX      | 1.080,0                     | 1,1       |                            |               |                                 |                |

| ST              | Thành phần đất   | Ký hiệu | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) |
|-----------------|------------------|---------|-----------------------------|-----------|
| 1               | Đất công cộng    | CC      | 4.309,9                     | 4,3       |
| 2               | Đất nhà ở xã hội | NOXH    | 24.158,8                    | 24,2      |
| 3               | Đất cây xanh     | CX      | 44.013,8                    | 44,0      |
| 4               | Đất cây xanh     | CX      | 27.087,5                    | 27,2      |
| Tổng diện tích: |                  |         |                             | 96.570,0  |



| KÝ HIỆU             | MÔ TẢ                           |
|---------------------|---------------------------------|
| [Red dashed line]   | PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH           |
| [Blue dashed line]  | PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH    |
| [Red solid line]    | ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG        |
| [Orange solid line] | ĐẤT NHÀ Ở BIỆT THỰ              |
| [Yellow solid line] | ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾT              |
| [Green solid line]  | ĐẤT NHÀ Ở CHUNG CƯ              |
| [Blue solid line]   | ĐẤT BÃI ĐÓNG                    |
| [Red solid line]    | ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT            |
| [Orange solid line] | ĐẤT GIAO DỤC                    |
| [Yellow solid line] | ĐẤT NHÀ Ở XÃ HỘI                |
| [Green solid line]  | ĐẤT NHÀ Ở LÃNG XOM ĐÔ THỊ HÓA   |
| [Blue solid line]   | ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG  |
| [Red solid line]    | ĐẤT CÂY XANH THỰC DẠNG THỂ THAO |
| [Blue solid line]   | MẶT NƯỚC                        |
| [Red solid line]    | TRẠM XL NƯỚC THẢI               |
| [Blue solid line]   | BÃI ĐÓNG                        |
| [Red solid line]    | MỐC, TÊN MỐC QUY HOẠCH          |
| [Blue solid line]   | TÊN VÀ CHỨC NĂNG Ồ ĐẤT          |

|                                                                                                                                                                                                                            |            |              |               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|---------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:<br>UBND HUYỆN TIỀN HẢI<br>CƠ QUAN THỎA THUẬN:<br>BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP<br>CƠ QUAN THỎA THUẬN:<br>SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI BÌNH<br>PHÓNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ BỐ THỊ HUYỆN TIỀN HẢI |            |              |               |
| HẸM SỐ 1000 KHU NHÀ Ở XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG NHÂN, NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI KHU CÔNG NGHIỆP HẢI LONG, HUYỆN TIỀN HẢI                                                                                                                |            |              |               |
| TÊN BẢN VẼ:<br>BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT                                                                                                                                                                  |            |              |               |
| BẢN VẼ CHẾ ĐỒ:<br>KTS. NGUYỄN HOÀNG NAM                                                                                                                                                                                    | CHẾ ĐỒ: A0 | TỶ LỆ: 1/500 | NGÀY: 08/2025 |
| THIẾT KẾ:<br>KTS. VŨ THỊ XÂM                                                                                                                                                                                               |            |              |               |
| ĐƠN VỊ TƯ VẤN:<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ                                                                                                                                                              |            |              |               |